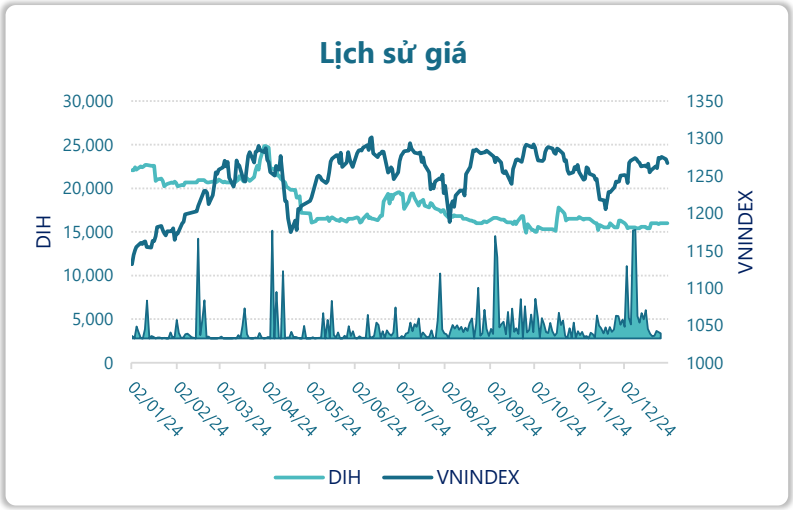
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An (HNX: DIH)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,840
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,900
SL cổ phiếu LH	6,894,164
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,380
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	110
P/E	8.1
EPS	1,968

DT thuần

Q4/24

14.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼179| -92.3%

YoY: ▲ 6.86| 87.0%

LN sau thuế

Q4/24

0.52

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.7| -96.4%

YoY: ▲ 15.9| 103%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

8.5%

+/- YoY: ▲ 1.1%

DT thuần

2024

222

tỷ VNĐ

YoY: ▼69.0| -23.7%

LN sau thuế

2024

13.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.50| -3.7%

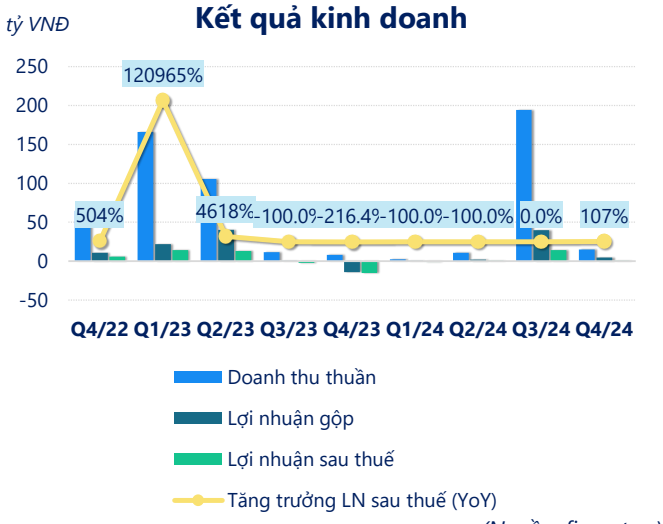
ROE

2024

12.0%

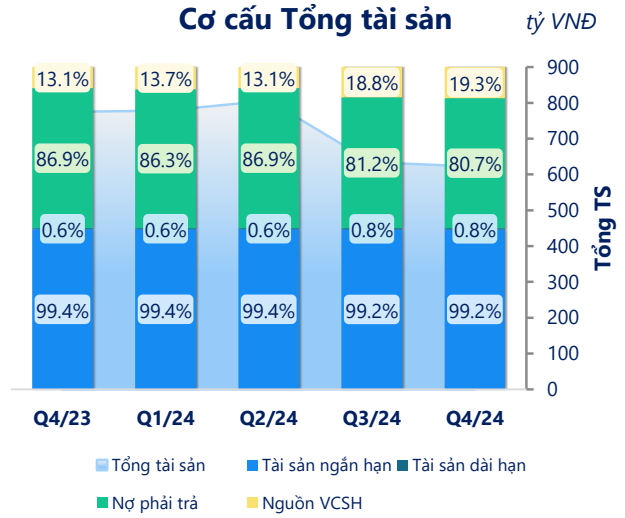
+/- YoY: ▼ 2.0%

Kết quả kinh doanh



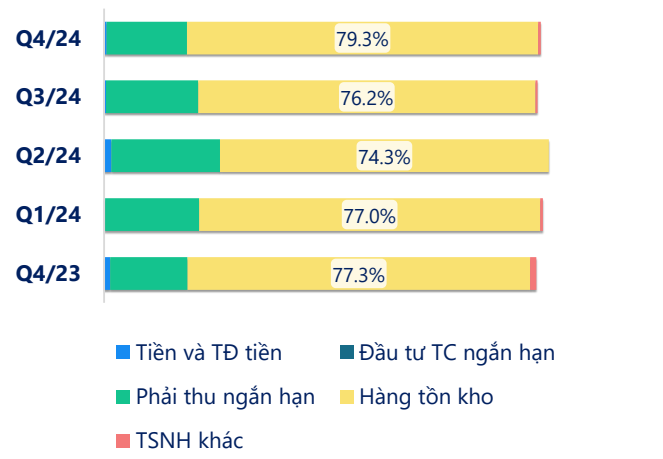
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



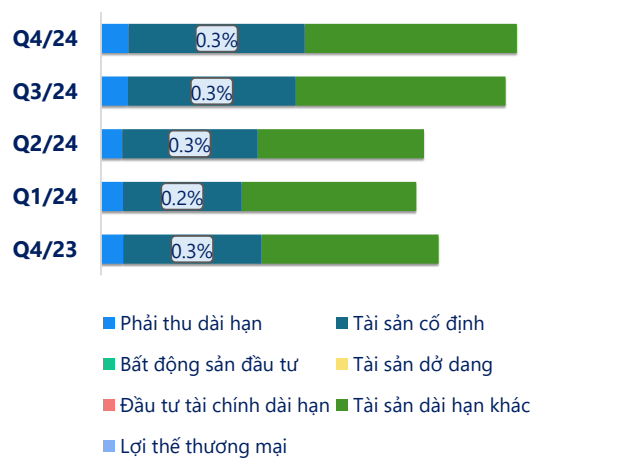
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



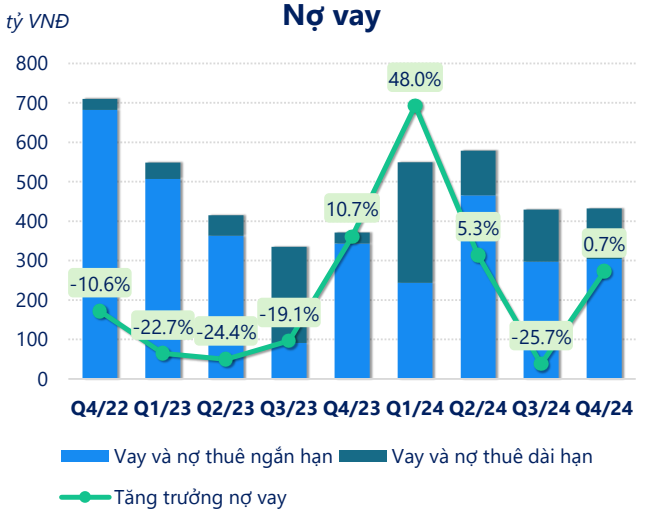
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



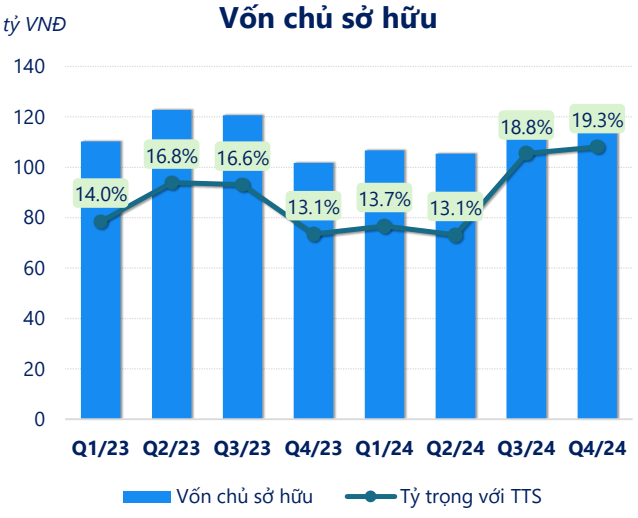
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



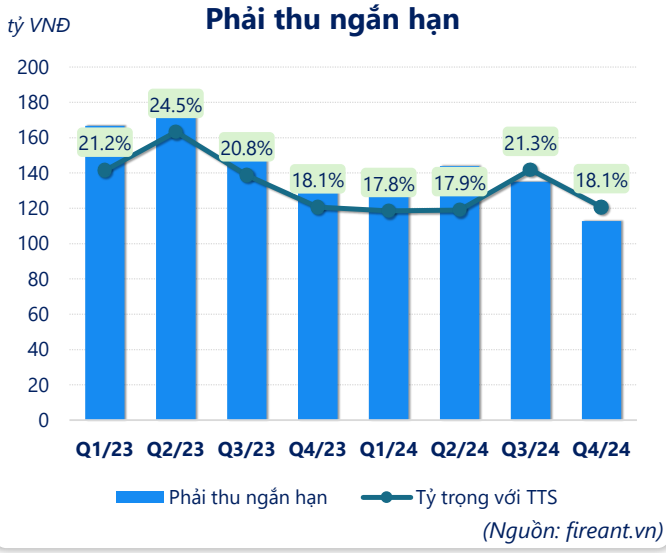
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



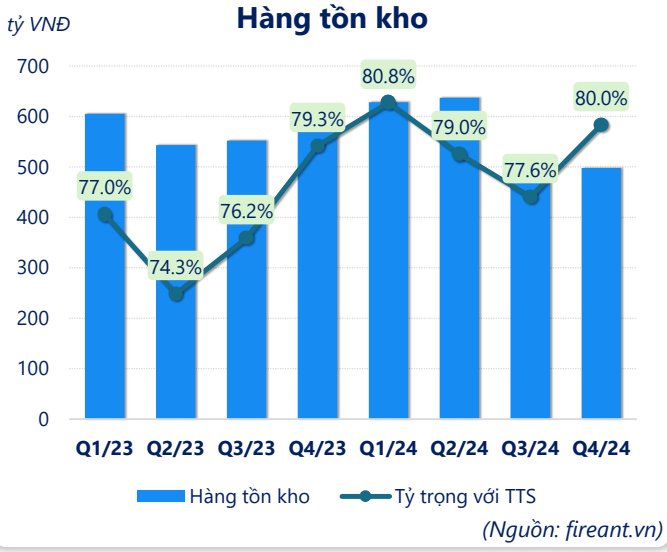
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



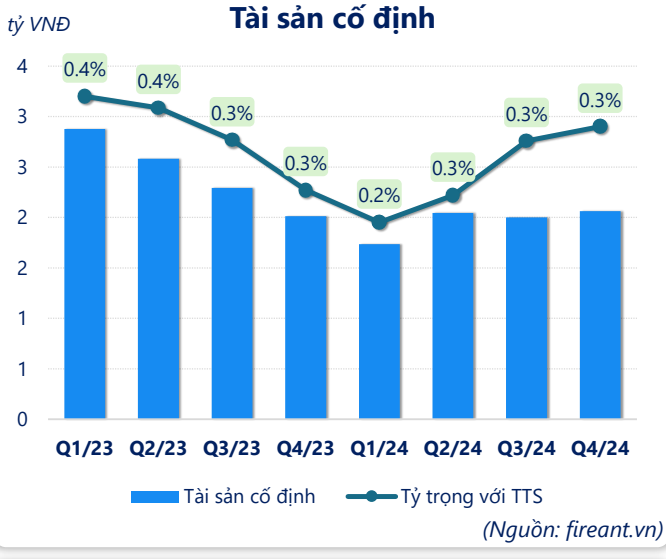
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



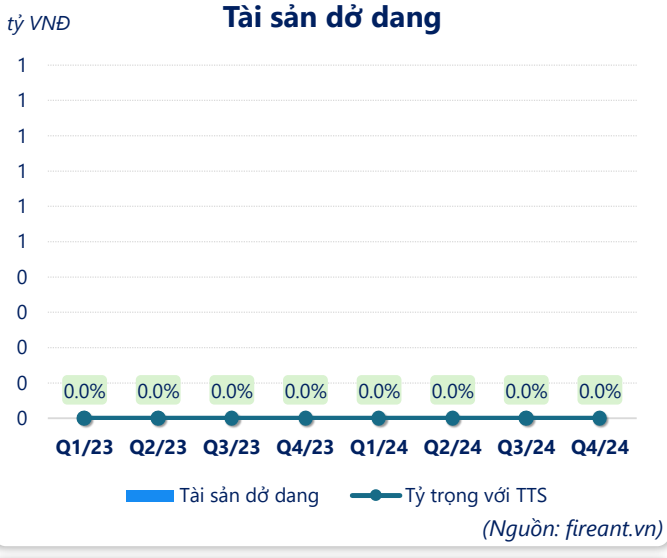
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



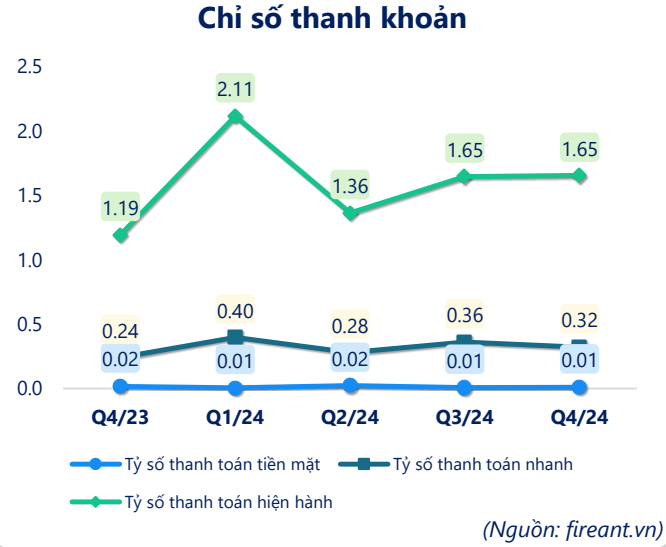
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



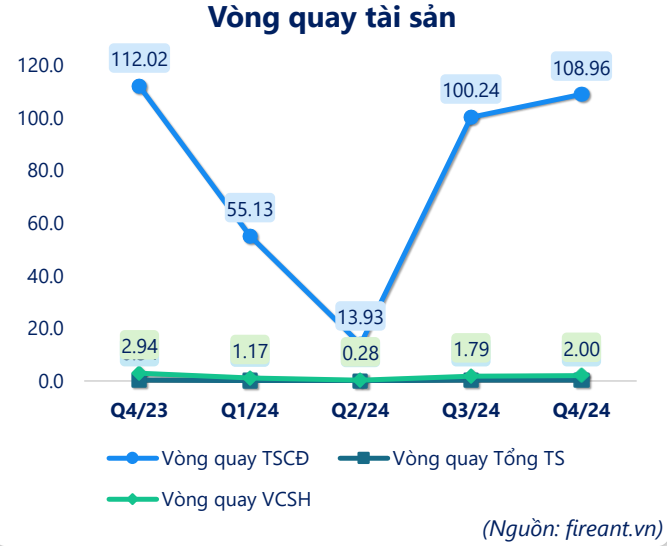
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**775**	**778**	**806**	**635**	**622**
Tài sản ngắn hạn	**770**	**774**	**801**	**630**	**617**
Tiền và tương đương tiền	10.6	1.97	13.2	2.62	3.67
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	140	138	144	135	113
Hàng tồn kho	615	629	637	492	498
Tài sản ngắn hạn khác	4.75	4.79	7.16	0.00	3.26
Tài sản dài hạn	**4.92**	**4.62**	**4.90**	**4.83**	**4.87**
Phải thu dài hạn	0.32	0.32	0.32	0.32	0.32
Tài sản cố định	2.01	1.74	2.04	2.00	2.06
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.58	2.56	2.53	2.51	2.48
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**673**	**672**	**701**	**515**	**502**
Nợ ngắn hạn	**645**	**366**	**588**	**383**	**374**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	343	243	465	297	304
Phải trả người bán ngắn hạn	29.2	26.2	27.8	27.6	28.2
Nợ dài hạn	27.9	306	113	132	129
Vay và nợ thuê dài hạn	27.9	306	113	132	129
Nguồn vốn chủ sở hữu	**102**	**107**	**105**	**120**	**120**
Vốn chủ sở hữu	**102**	**107**	**105**	**120**	**120**
Vốn điều lệ	59.9	59.9	59.9	68.9	68.9
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)